TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2021/HNGĐ - ST
Ngày 27/8/2021.
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký phiên toà: ông Đoàn Thanh M - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Thu L - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2021/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên toà số 11/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* chị Vũ Thị H, sinh năm 1993, tên gọi khác: Không.

Bị đơn: anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988, tên gọi khác: Không.

Đều trú tại: phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Chị H vắng mặt – có đơn xin xử vắng mặt. Anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Xuân D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện G vào ngày 18/12/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại gia đình anh D phố M, thị trấn M, huyện G. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau gây ảnh hưởng tới tinh thần của cả hai bên. Anh D thường xuyên có hành động bạo lực

đánh đập tôi khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Mặc dù cả hai bên đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Toà án nhân dân huyện G xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau một con chung là cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/10/2019. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2021 và biên bản hoà giải ngày 07/6/2021, bị đơn anh Nguyễn Xuân D trình bầy: Tôi và cô Vũ Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện G vào ngày 18/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phố M, thị trấn M, huyện G. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng đôi lúc có một vài mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn. Thời gian gần đây do vợ chồng có to tiếng với nhau, trong lúc nóng giận không kìm chế được bản thân nên tôi có tát cô H khiến vợ chồng trở nên căng thẳng và cô H đã làm đơn xin ly hôn với tôi. Tôi đã nhận ra lỗi lầm của mình và quyết tâm sửa chữa, mong muốn cô H suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi không lớn, chưa đến mức phải ly hôn với nhau, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên tôi không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án xem xét hoà giải để vợ chồng tôi quay về đoàn tụ với nhau. Nếu cô H vẫn kiên quyết xin ly hôn với tôi thì đó là quyền của cô H.

Về con chung: Tại bản tự khai ngày 08/4/2021, do không đồng ý ly hôn nên anh D không đề nghị giải quyết về con chung. Tại biên bản hoà giải ngày 07/6/2021, tuy anh D bỏ về và không ký biên bản nhưng anh D cũng đã trình bày vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/10/2019. Nếu phải ly hôn, do cháu K còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ nên anh D đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng và anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Toà án xem xét.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm

sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 357 Bộ luật Dân sự (BLDS); khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D; về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Nam K cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Xuân D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp, anh D phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân D có địa chỉ tại phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Toà án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Xuân D là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của các đương sự cũng như qua xác minh tại cơ sở là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau nên chị H đã phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở gần đó để sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Phía chị H khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn yêu thương anh D nữa. Bản thân anh D tuy nói rằng vợ chồng có đôi lúc xảy ra mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn, thời gian gần đây do trong lúc va chạm, không kìm chế được bản thân anh đã tát chị H. Anh D đã nhận ra lỗi lầm, mong chị H tha thứ để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Nhưng khi Tòa án tổ chức

hòa giải, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D và anh D đã bỏ về không ký vào biên bản hoà giải, sau đó anh D vẫn vắng mặt không đến Toà án làm việc nữa. Tại phiên tòa hôm nay anh D cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ anh D không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Xuân D đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Xuân D có một con chung là cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/10/2019. Hiện nay cháu K đang ở cùng với chị H. Xét thấy hiện nay cháu K còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ hơn và đang sinh sống cùng chị H rất ổn định. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu K nên cần giao cháu Nguyễn Nam K cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là thỏa đáng. Về vấn đề cấp dưỡng, xét anh Nguyễn Xuân D và chị Vũ Thị H hiện đều người khỏe mạnh, là lao động tự do với mức thu nhập bình quân tại địa phương là 6.000.000 đồng/tháng nên đều có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Anh D cũng có quan điểm sẽ đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con tuy chưa đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể. Mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu so với thu nhập trung bình ở địa phương là cao. Để đảm bảo cuộc sống cho cháu Nguyễn Nam K và cuộc sống của chính anh D nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị Vũ Thị H, buộc anh Nguyễn Xuân D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D cũng không có yêu cầu đề nghị gì nên Toà không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Nguyễn Xuân D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000311, ngày 10/3/2021. Anh Nguyễn Xuân D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

NGUYỄN HỮU Q